

QUY ĐỊNH

Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025

*(Kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy định nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Quy mô, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật

Quy mô, tiêu chuẩn chất lượng, mức hỗ trợ, đơn giá, định mức liều tinh, vật tư thụ tinh nhân tạo bò; Hỗ trợ đào tạo, tập huấn về thụ tinh nhân tạo bò; hội thi bò lai. Loại bình và mức hỗ trợ bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh đông lạnh cho đơn vị quản lý cấp phát vật tư thụ tinh nhân tạo bò được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (kèm theo phụ lục).

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Đối với vật tư thụ tinh nhân tạo bò (Tinh đông lạnh và dụng cụ thụ tinh nhân tạo bò)

a) Ngân sách tỉnh và huyện, thị xã, thành phố: **50%**.

Tỷ lệ vốn giữa ngân sách tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố được chi như sau:

- Thành phố Quy Nhơn: Ngân sách thành phố tự đảm bảo 100%;
- Các huyện miền núi (An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh): Ngân sách tỉnh đảm bảo 100%;
- Đối với 02 huyện trung du (Hoài Ân, Tây Sơn): Ngân sách tỉnh chi 70%, ngân sách huyện chi 30%;

- Các huyện, thị xã còn lại: Ngân sách tỉnh chi 50%, ngân sách các huyện, thị xã chi 50%.

b) Vốn đối ứng của nông dân: **50%**.

2. Nitơ lỏng bảo quản tinh đông lạnh: Kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh và huyện, thị xã, thành phố chi trả 100% (Tỷ lệ vốn giữa ngân sách tỉnh và huyện, thị xã, thành phố được chi giống như đối với vật tư thụ tinh nhân tạo bò).

3. Bình công tác (dung tích 3,0 – 3,7 lít): vốn của dẫn tinh viên 100%.

4. Các nội dung khác: Bình chứa Nitơ lỏng 30 - 47 lít, đào tạo mới dẫn tinh viên, hội thi bò lai chất lượng cao, hội nghị, quản lý phí: Ngân sách tỉnh chi 100%.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

b) Trên cơ sở kế hoạch do các huyện, thị xã, thành phố lập, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra về số lượng, kinh phí cần hỗ trợ cho các địa phương; phối hợp với Sở Tài chính xem xét thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước tháng 9 hàng năm để triển khai thực hiện.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ định và công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, vật tư chăn nuôi đủ điều kiện cung cấp con giống, tinh dịch và vật tư chăn nuôi.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện chính sách hỗ trợ phù hợp với nguồn ngân sách tỉnh.

b) Hướng dẫn cơ chế tài chính, thanh quyết toán chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức điều tra, rà soát, thống kê hộ chăn nuôi thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo quy định, tổng hợp xây dựng kế hoạch nhu cầu kinh phí hỗ trợ hàng năm trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước tháng 8 của năm trước liền kề.

b) Chịu trách nhiệm quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng; Tổ chức nghiệm thu, thanh lý các hạng mục hỗ trợ trên địa bàn theo quy định; công khai danh sách các đối tượng được hưởng hỗ trợ đến từng xã, thôn; thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách tại địa phương.

c) Bố trí đầy đủ nguồn kinh phí (phần chi nếu có) để thực hiện chính sách.

d) Tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng một lần kết quả thực hiện chính sách về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC

Quy mô, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

I. Quy mô, tiêu chuẩn chất lượng, mức hỗ trợ, đơn giá và định mức vật tư thụ tinh nhân tạo bò

1. Quy mô: Tổng số bò thụ tinh nhân tạo bò **495.000** con. Trong đó, nhóm bò Zêbu nội 161.800 con. Nhóm bò Chất lượng cao 333.200 con.

2. Tiêu chuẩn chất lượng liềm tinh: Loại tinh:

- Tinh đông lạnh bò nhóm Zêbu, sản xuất trong nước.
- Tinh đông lạnh bò thịt chất lượng cao sản xuất ngoài nước, nhập nội.

3. Định mức hỗ trợ vật tư TTNT

- Liềm tinh: 2,0 liềm/bò thịt/năm.
- Dụng cụ phối giống (găng tay, dẫn tinh quản): 2,0 bộ/bò thịt/năm.
- Nitơ lỏng 1 lít/bò phối giống có chữa.

4. Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 50% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo (tinh đông lạnh, găng tay, dẫn tinh quản) cho các hộ chăn nuôi để phối giống cho bò cái sinh sản.

- Hỗ trợ 100% nitơ lỏng cho các hộ chăn nuôi để phối giống nhân tạo bò cái sinh sản.

5. Đơn giá: Theo giá trúng thầu phê duyệt hàng năm.

6. Điều kiện hỗ trợ: Hộ chăn nuôi có số lượng bò cái sinh sản từ 10 con trở xuống.

II. Quy mô, số lượng, định mức chi và mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc

1. Quy mô: 40 người (2 lớp).

2. Số lượng người được đào tạo, tập huấn: Mỗi xã, phường, thị trấn có chăn nuôi bò, có từ 1 đến 2 dẫn tinh viên phối giống bò hoạt động.

3. Đơn vị được chỉ định đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc: Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Mức hỗ trợ: Đối với đào tạo kỹ thuật phối giống nhân tạo bò: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí đào tạo cho các cá nhân về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo bò. Mức hỗ trợ không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 người.

III. Quy mô, loại bình, tiêu chuẩn chất lượng bình chứa Nitơ lỏng cho các đơn vị được giao quản lý cấp phát vật tư phối giống nhân tạo bò.

1. Quy mô: 25 cái.
2. Loại bình: bình chứa dung tích 30 - 47 lít.
3. Tiêu chuẩn, chất lượng: Bình nhập ngoại có nguồn gốc từ Châu Âu, Mỹ.
4. Đơn giá: Theo giá trúng thầu phê duyệt hàng năm.
5. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí mua sắm bình để trang bị cho các đơn vị được giao quản lý cấp phát vật tư thụ tinh nhân tạo bò cấp tỉnh, cấp huyện.

IV. Hội thi bò lai

1. Quy mô: 1 cuộc. Số lượng con bình tuyển: 200 con. Số con tham dự chung kết: 60 con.
2. Đơn giá: 230 triệu/cuộc (Các định mức chi theo quy định hiện hành).
3. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức hội thi bò lai.